

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 395/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 – 6 - 2024  
V/v ly hôn Linh – Tý

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngân.  
Bà Trần Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2024/TLST - HNGĐ ngày 14/3/2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thúy L, sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ G, khóm P, thị trấn C, huyện P, Tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã L, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1994.

Trú tại: khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/03/2024 nguyên đơn bà Trương Thị Thúy L trình bày:

Bà L, ông T chung sống vợ chồng trên cơ sở tự tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 170, ngày 03 tháng 12 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với gia đình chồng tại thị trấn C được một thời gian thì đi làm ăn tại xã L, huyện K, tỉnh Kiên Giang thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T không lo làm ăn, đam mê cờ bạc, thường xuyên uống rượu dẫn đến cãi

nhau, mỗi lần cãi nhau ông T đánh bà L, sự việc diễn ra trong nhiều năm, bà L cố gắng khuyên can để ông T sửa đổi tính tình sống vì con nhưng ông T không thay đổi. Tháng 12/2023 ông T bỏ về quê sống, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm ai, tình cảm không thể hàn gắn nay bà L yêu cầu ly hôn với ông T.

Con chung: Ông T, bà L có một con chung tên **Trịnh Quốc K**, sinh ngày 31/8/2011, con chung đang sống chung với bà L, khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông **Trịnh Văn T** vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

*Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được đại diện **khóm P** cho biết: ông **Trịnh Văn T**, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang**. Tuy nhiên hiện nay ông T đi làm xa không có mặt tại địa phương, về tình trạng hôn nhân giữa bà L, ông T như thế nào thì địa phương không nắm rõ.*

*Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Ông T không có mặt theo các thông báo là thực hiện không đúng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà L được ly hôn với ông T. Về con chung giao cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà L yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông T nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại **thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang** nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà L và ông T tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2007 không tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nhưng có đăng ký kết hôn năm 2013 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Ông **T**, bà **L** chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cãi nhau do ông **T** không chí thú làm ăn, đam mê cờ bạc, thường xuyên uống rượu, vợ chồng vì thế hay cãi nhau những lần cãi nhau ông **T** đánh bà **L**, sự việc diễn ra trong nhiều năm, tháng 12 năm 2023 ông **T** bỏ về nhà cha mẹ để sống, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai qua lại, điện thoại hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà **L** xin ly hôn với ông **T**.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Thế nhưng vợ chồng ông **T**, bà **L** không còn chung sống khoảng hơn sáu tháng nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà **Trương Thị Thúy L** được ly hôn ông **Trịnh Văn T**.

[2.2] Về con chung: Bà **L**, ông **T** có 01 con chung tên **Trịnh Quốc K**, sinh ngày 31/8/2011 con chung đang sống chung bà **L**, khi ly hôn bà **L** yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng cho con, xét từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với bà **L**, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu **Trịnh Quốc K** cho bà **L** nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông **T** vắng mặt, không ý kiến về vấn đề con chung, nên không xem xét giải quyết

[2.3] bà **L** trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: bà **L** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trương Thị Thúy L**

Về hôn nhân: Cho bà **Trương Thị Thúy L** được ly hôn ông **Trịnh V**.

Về con chung: Giao con chung **Trịnh Quốc K**, sinh ngày 31/8/2011 cho bà **L** được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông **T** không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà **Trương Thị Thúy L** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006714 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Bà **L** không phải nộp thêm án phí.

Ông **Trịnh Văn T** không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông **T**, bà **L** vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Thảo**

